

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I (ĐỀ 1)

MÔN: TIN HỌC 6.

NĂM HỌC 2022 – 2023

Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể phát đề)

A. TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu em cho là đúng:

Câu 1: Thông tin là gì?

- A. Các văn bản và số liệu
- B. Những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.
- C. Văn bản, Hình ảnh, âm thanh
- D. Hình ảnh, âm thanh, tệp tin

Câu 2: Hoạt động xử lý thông tin gồm:

- A. Đầu vào, đầu ra.
- B. Thu nhận, xử lý, lưu trữ, truyền .
- C. Nhìn, nghe, theo dõi, kết luận.
- D. Mở bài, thân bài, kết bài.

Câu 3: Đơn vị đo dung lượng thông tin nhỏ nhất là gì?

- A. Byte
- B. Digit
- C. Kilobyte
- D. Bit

Câu 4: Dữ liệu trong máy tính được mã hóa thành dãy bit vì:

- A. Dãy bit đáng tin cậy hơn
- B. Máy tính chỉ làm việc với hai kí tự 0 và 1
- C. Dãy bit được xử lý dễ dàng hơn
- D. Dãy bit chiếm ít dung lượng nhớ hơn

Câu 5: Mạng máy tính KHÔNG cho phép người dùng chia sẻ:

- A. Máy in
- B. Máy quét
- C. Bàn phím và chuột
- D. Dữ liệu

Câu 6: Một mạng máy tính gồm:

- A. Tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau.
- B. Một số máy tính bàn.
- C. Hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau.
- D. Tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một nhà.

Câu 7: Để kết nối với Internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi

- A. Nhà cung cấp dịch vụ Internet.
- B. Người quản trị mạng xã hội.
- C. Người quản trị mạng máy tính.
- D. Một máy tính khác.

Câu 8: Trong trường hợp nào dưới đây mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây?

- A. Trao đổi thông tin khi di chuyển.

- B. Trao đổi thông tin cần tính bảo mật cao.
- C. Trao đổi thông tin tốc độ cao.
- D. Trao đổi thông tin cần tính ổn định.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây nêu SAI đặc điểm của mạng không dây và mạng có dây?

- A. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng cáp.
- B. Mạng không dây kết nối các máy tính bằng sóng điện từ (sóng vô tuyến).
- C. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các điện thoại di động.
- D. Mạng có dây có thể đặt cáp đến bất cứ địa điểm và không gian nào.

Câu 10: World Wide Web là gì?

- A. Một trò chơi máy tính.
- B. Một phần mềm máy tính.
- C. Một hệ thống các website trên Internet cho phép người sử dụng xem và chia sẻ thông tin qua các trang web được liên kết với nhau.
- D. Tên khác của Internet.

Câu 11: Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang web trên Internet gọi là gì?

- A. Trình duyệt web.
- B. Địa chỉ web.
- C. Website.
- D. Công cụ tìm kiếm.

Câu 12: Để tìm kiếm thông tin về virus Corona, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?

- A. Corona
- B. Virus Coronan
- C. “Virus Corona”
- D. “Virus”+”Corona”

Câu 13: Đặc điểm nào sau đây KHÔNG phải là ưu điểm của thư điện tử?

- A. Gửi và nhận thư nhanh chóng
- B. Ít tốn kém
- C. Có thể gửi và nhận thư mà không gặp phiền phức gì
- D. Có thể gửi kèm tệp

Câu 14: Đây là nhược điểm của thư điện tử:

- A. Gửi đi chậm, có thể mất cả tuần.
- B. Không thể gửi kèm tệp tin, hình ảnh....
- C. Chỉ gửi được cho một người.
- D. Có thể bị virus, tin tặc tấn công.

B. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1: (1,0 điểm) Để truy cập một trang web ta cần làm thế nào? Hãy ví dụ về địa chỉ 1 trang web mà em biết ?

Câu 2: (1,0 điểm) Trình bày các bước tạo tài khoản email?

Câu 3: (1,0 điểm) Để gửi một tấm ảnh cho bạn của em qua hộp thư điện tử em thực hiện như thế nào?

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	B	B	D	B	C	C	A	A	D	C	A	C	C	D

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1,0 điểm)	* Truy cập trang web: - Nháy đúp chuột vào biểu tượng trình duyệt. - Nhập địa chỉ trang web vào ô địa chỉ. - Nhấn phím Enter. * Ví dụ: khituongvietnam.gov.vn	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 2 (1,0 điểm)	* Trình bày các bước tạo tài khoản email? - Truy cập trang mail.google.com - Nháy chuột vào nút tạo tài khoản - Nhập đầy đủ thông tin vào các dòng trên cửa sổ theo hướng dẫn - Nháy chuột vào nút tiếp theo - Xác nhận số điện thoại - Thực hiện theo hướng dẫn - Cuối cùng xuất hiện thông báo chào mừng bạn!	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 3 (1,0 điểm)	Các bước để gửi kèm một tấm ảnh qua thư điện tử: - Bước 1: Đăng nhập vào hộp thư điện tử, nháy chuột vào nút “Soạn thư” để soạn thư mới. - Bước 2: Nhập địa chỉ hộp thư người nhận vào ô “Người nhận”. Nhập tiêu đề thư vào ô “Chủ đề”. Nhập nội dung thư. - Bước 3: Nháy chọn biểu tượng “Đính kèm”, chọn vị trí tấm ảnh cần gửi để đính kèm. - Bước 4: Nháy chuột vào nút “Gửi” để hoàn tất gửi thư.	0,25 0,25 0,25 0,25

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN TIN HỌC - LỚP 6

T T	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	T L	TNK Q	TL	
1	Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng	Nội dung 1. Thông tin và dữ liệu	2								10% (1,0 điểm)
		Nội dung 2. Biểu diễn thông tin và lưu trữ dữ liệu trong máy tính	1		1						10% (1,0 điểm)
2	Chủ đề B. Mạng máy tính và internet	Giới thiệu về mạng máy tính và Internet	3		2						25% (2,5 điểm)
3	Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ tìm kiếm và trao đổi thông tin	World Wide Web, thư điện công cụ tìm kiếm thông tin	2		3			2		1	55% (5,5 điểm)
Tổng			8		6			2		1	17/10
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN: TIN HỌC LỚP: 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng	Nội dung 1. Thông tin và dữ liệu	Nhận biết Trong các tình huống cụ thể có sẵn: – Phân biệt được thông tin với vật mang tin – Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. – Nêu được các bước cơ bản trong xử lý thông tin. Thông hiểu – Nêu được ví dụ minh họa về mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu. – Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin. Vận dụng Giải thích được máy tính và các thiết bị số là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể.	2 (TN)			
		Nội dung 2. Biểu diễn thông tin và lưu trữ dữ liệu trong máy tính	Nhận biết – Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin. – Nêu được tên và độ lớn (xấp xỉ theo hệ thập phân) của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin: Byte, KB, MB, GB, quy đổi được một cách gần đúng giữa các đơn vị đo lường này. Ví dụ: 1KB bằng xấp xỉ 1 ngàn byte, 1 MB xấp xỉ 1 triệu byte, 1 GB xấp xỉ 1 tỉ byte. Thông hiểu				

			<p>– Giải thích được có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1.</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>– Xác định được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, đĩa cứng, USB, CD, thẻ nhớ,...</p>				
2	Chủ đề B. Mạng máy tính và internet	Giới thiệu về mạng máy tính và Internet	<p>Nhận biết</p> <p>– Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính.</p> <p>– Nêu được các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, cáp nối, Switch, Access Point,...</p> <p>– Nêu được các đặc điểm và ích lợi chính của Internet.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>– Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.</p>	3 (TN)	2 (TN)		
	Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ tìm kiếm và trao đổi thông tin	World Wide Web, thư điện tử và công cụ tìm kiếm thông tin	<p>Nhận biết</p> <p>– Trình bày được sơ lược về các khái niệm WWW, website, địa chỉ của website, trình duyệt.</p> <p>– Xem và nêu được những thông tin chính trên trang web cho trước.</p> <p>– Nêu được công dụng của máy tìm kiếm.</p> <p>– Biết cách đăng kí tài khoản thư điện tử.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>– Nêu được những ưu, nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác.</p>	2 (TN)	3 (TN)	2 (TL)	1 (TL)

			<p>– Xác định được từ khoá ứng với một mục đích tìm kiếm cho trước.</p> <p>Vận dụng</p> <p>– Tìm kiếm được thông tin trên một số trang web thông dụng như tra từ điển, xem thời tiết, tin thời sự, ... theo yêu cầu.</p> <p>– Thực hiện được một số thao tác cơ bản: tạo tài khoản email, đăng nhập tài khoản email, soạn và gửi thư, nhận và trả lời thư, đăng xuất hộp thư.</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>– Thực hiện được một số thao tác cơ bản: tạo tài khoản email, đăng nhập tài khoản email, soạn và gửi thư, nhận và trả lời thư, đăng xuất hộp thư.</p>				
Tổng				8 TN	6 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

Lưu ý:

- Ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì có thể ra câu hỏi ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (một gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- Ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể xây dựng câu hỏi vào một trong các đơn vị kiến thức.

3. HƯỚNG DẪN RA ĐỀ KIỂM TRA THEO MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng	Nội dung 1. Thông tin và dữ liệu	Nhận biết Trong các tình huống cụ thể có sẵn: – Phân biệt được thông tin với vật mang tin (Câu 1) – Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. – Nêu được các bước cơ bản trong xử lý thông tin. (Câu 2) Thông hiểu – Nêu được ví dụ minh họa về mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu. – Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin. Vận dụng Giải thích được máy tính và các thiết bị số là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể.	2 (TN)			
		Nội dung 2. Biểu diễn thông tin và lưu trữ dữ liệu trong máy tính	Nhận biết – Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin. (Câu 3) – Nêu được tên và độ lớn (xấp xỉ theo hệ thập phân) của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin: Byte, KB, MB, GB, quy đổi được một cách gần đúng giữa các đơn vị đo lường này. Ví dụ: 1KB bằng xấp xỉ 1 ngàn byte, 1 MB xấp xỉ 1 triệu byte, 1 GB xấp xỉ 1 tỉ byte. Thông hiểu				

			<p>– Giải thích được có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1. (Câu 4)</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>– Xác định được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, đĩa cứng, USB, CD, thẻ nhớ,...</p>				
2	Chủ đề B. Mạng máy tính và internet	Giới thiệu về mạng máy tính và Internet	<p>Nhận biết</p> <p>– Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính. (Câu 5, 6)</p> <p>– Nêu được các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, cáp nối, Switch, Access Point,...</p> <p>– Nêu được các đặc điểm và ích lợi chính của Internet. (Câu 7)</p> <p>Thông hiểu</p> <p>– Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây. (Câu 8, 9)</p>	3 (TN)	2 (TN)		
	Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ tìm kiếm và trao đổi thông tin	World Wide Web, thư điện tử và công cụ tìm kiếm thông tin	<p>Nhận biết</p> <p>– Trình bày được sơ lược về các khái niệm WWW, website, địa chỉ của website, trình duyệt. (Câu 10, 11)</p> <p>– Xem và nêu được những thông tin chính trên trang web cho trước.</p> <p>– Nêu được công dụng của máy tìm kiếm.</p> <p>– Biết cách đăng kí tài khoản thư điện tử.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>– Nêu được những ưu, nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên</p>	2 (TN)	3 (TN)	2 (TL)	1 (TL)

		<p>lạc khác. (Câu 13, 14)</p> <p>– Xác định được từ khoá ứng với một mục đích tìm kiếm cho trước. (Câu 12)</p> <p>Vận dụng</p> <p>– Tìm kiếm được thông tin trên một số trang web thông dụng như tra từ điển, xem thời tiết, tin thời sự, ... để phục vụ cho nhu cầu học tập và cuộc sống. (Câu 1TL)</p> <p>– Thực hiện được một số thao tác cơ bản: tạo tài khoản email, đăng nhập tài khoản email, soạn thư, gửi thư, nhận thư, trả lời thư, chuyển tiếp thư và đăng xuất hộp thư trong một số tình huống thực tiễn. (Câu 2TL)</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>– Thực hiện được một số thao tác cơ bản: tạo tài khoản email, đăng nhập tài khoản email, soạn thư, gửi thư, nhận thư, trả lời thư, chuyển tiếp thư và đăng xuất hộp thư trong một số tình huống thực tiễn. (Câu 3 TL)</p>				
Tổng			8 TN	6 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %			40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung			70%		30%	